

## **BÀI 4: CÁI BÀN HỌC CỦA TÔI** (tiết 15 – 20, SHS, tr.93 – 97)

### **I. MỤC TIÊU**

1. Nói được với bạn về cái bàn học của em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Hình dáng, công dụng của cái bàn học, tình cảm của bạn nhỏ đối với bàn học và bố mình*; biết liên hệ bản thân: *yêu quý, bảo quản, giữ gìn, sắp xếp bàn học gọn gàng, sạch sẽ, ngăn nắp*.
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; phân biệt *c/k; r/d, ai/ay*.
4. Mở rộng được vốn từ về đồ vật (đồ dùng học tập, đồ chơi, đồ đạc trong nhà); đặt được câu hỏi cho bộ phận câu được in đậm; đặt được 1 - 2 câu về đồ dùng học tập theo mẫu.
5. Nói được 1 – 2 câu về nội dung từng tranh của câu chuyện *Con chó nhà hàng xóm*; kể được từng đoạn của câu chuyện theo tranh và từ ngữ gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.
6. Giới thiệu được đồ vật quen thuộc.
7. Chia sẻ được một bài đã đọc về đồ vật hoặc con vật.
8. Thực hiện được trò chơi *Đi tìm kho báu*, nói được về đồ vật có trong kho báu đã tìm.

### **II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Bảng phụ viết đoạn từ *Bên dưới* đến *ngồi mệt* để hướng dẫn HS luyện đọc.
- Tranh ảnh truyện *Con chó nhà hàng xóm*.

- Chuẩn bị một số đồ vật để làm “kho báu” cho HS chơi trò chơi.
- HS mang tới lớp cuốn sách/ báo có bài thơ về đồ vật hoặc con vật đã đọc.

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1, 2

##### A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về cái bàn học của em: hình dáng, chất liệu, các bộ phận chính, công dụng,...
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa để phán đoán nội dung bài đọc: *Cái bàn học là món quà quý giá, có ý nghĩa đặc biệt đối với bạn nhỏ.*
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cái bàn học của tôi.*

##### B. Khám phá và luyện tập

###### 1. Đọc

###### 1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng nhẹ nhàng, tình cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ sự đặc biệt của cái bàn học. Chú ý nhấn mạnh hai câu: “Tặng con trai yêu thương!”, “Với tôi, đây là cái bàn đẹp nhất trên đời!”).
- HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *chuẩn bị, nhẫn, nhất trên đời...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài: *Cái bàn không quá rộng/ nhưng đủ để tôi đặt/ một chiếc đèn học/ và những quyển sách.// Bố khắc dòng chữ// Tặng con trai yêu thương!//; ...*
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

###### 1.2. Luyện đọc hiểu

- HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *thợ mộc* (thợ đóng đồ gỗ), *nhẫn* (bề mặt trơn, láng), *kho báu* (khối lượng lớn những thứ quý giá do tập trung tích góp lại), *đẹp nhất trên đời* (rất đẹp, không có gì sánh bằng),...
- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.
- HS nêu nội dung bài đọc: *Hình dáng, công dụng của cái bàn học, tình cảm của bạn nhỏ đối với bàn học và bố mình.*
- HS liên hệ bản thân: *yêu quý, bảo quản, giữ gìn, sắp xếp bàn học gọn gàng, sạch sẽ, ngăn nắp.*

### 1.3. Luyện đọc lại

- HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Bên dưới đến ngời mặt*.
- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Bên dưới đến ngời mặt*.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

## 2. Viết

### 2.1. Nghe – viết

- HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn văn.
- HS đánh vần một số từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *dãy núi, vàng mặt trời, toả, tấy, ...*; hoặc do ngữ nghĩa.
- HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi bắt đầu viết đoạn văn. Viết dấu chấm cuối câu. Không bắt buộc HS viết những chữ hoa chưa học).
- HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

### 2.2. Luyện tập chính tả – Phân biệt c/k

- HS xác định yêu cầu của BT 2b.
- HS quan sát tranh, tìm từ ngữ bắt đầu bằng chữ c/k phù hợp với tranh viết vào VBT.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm đôi và trình bày trước lớp
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### 2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt d/r; ai/ay

- HS xác định yêu cầu của BT 2(c), chọn BT phân biệt *d/r* hoặc *ai/ay*.
- HS quan sát từ, thực hiện BT vào VBT.  
(Đáp án: *mũi dạ – dễ chịu – rẽ cây – rom rạ; bay lượn – lượng sức – viron vai – vương vãi*)
- HS nêu kết quả và đặt câu với các từ tìm được.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

## TIẾT 3, 4

### 3. Luyện từ

- HS xác định yêu cầu của BT 3, quan sát ô chữ. (Đáp án: 1. đàn, 2. nôi, 3. ca, 4. chổi, 5. nơ, 6. còi; Từ khoá: đồ chơi)



- HS chia đội thi giải ô chữ dựa vào gợi ý.
- HS giải nghĩa và đặt câu với các từ ngữ tìm được (nếu cần).
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

#### 4. Luyện câu

##### 4.1. Đặt câu hỏi cho các từ ngữ in đậm

- HS xác định yêu cầu của BT 4a.
- HS thực hiện yêu cầu BT trong VBT (Cái gì đỏ thắm?, Cái gì nhẵn bóng và thơm mùi gỗ mới?).
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm và trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

##### 4.2. Đặt 1 – 2 câu về đồ dùng học tập theo mẫu

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ và thực hiện yêu cầu BT vào VBT (theo mẫu).
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm và trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

#### 5. Kể chuyện (Xem – kể)

##### CON CHÓ NHÀ HÀNG XÓM

1. Bé rất thích chó nhưng nhà bé không nuôi con nào. Bé đành chơi với cún bông, con chó của hàng xóm. Bé và cún thường nhảy nhót tung tăng khắp vườn.

2. Một hôm, mãi chạy theo cún, bé vấp phải một khúc gỗ và ngã đau, không đứng dậy được. Bé khóc. Cún nhìn bé rồi chạy đi tìm người giúp. Mắt cá chân của bé sưng to, vết thương khá nặng nên bé phải bó bột, nằm bất động trên giường.

Bè bạn thay nhau đến thăm, kể chuyện, mang quà cho bé. Nhưng khi các bạn về, bé lại buồn. Thấy vậy, mẹ lo lắng hỏi:

- Con muốn mẹ giúp gì nào?
- Con nhớ cún, mẹ ạ!

3. Ngày hôm sau, bác hàng xóm dẫn cún sang với bé. Bé và cún càng thân thiết. Cún mang cho bé khi thì tờ báo hay cái bút chì, khi thì con búp bê... Bé cười, cún sung sướng vẫy đuôi rồi rít. Thỉnh thoảng, cún muốn chạy nhảy và nô đùa cùng bé. Nhưng con vật thông minh hiểu rằng chưa đến lúc làm như vậy được.

4. Ngày tháo bột đã đến. Bác sĩ rất hài lòng vì vết thương của bé đã lành hẳn. Nhìn bé vuốt ve cún, bác sĩ hiểu chính cún đã giúp bé mau lành.

Theo Thuý Hà

### **5.1. Phán đoán nội dung truyện Con chó nhà hàng xóm**

HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.

### **5.2. Nói về nội dung mỗi bức tranh**

- HS quan sát từng tranh, đọc từ ngữ gợi ý dưới tranh và đọc lời nhân vật (nếu có).
- HS nói về nội dung mỗi tranh từ 1 – 2 câu. HS khá, giỏi có thể nói nội dung hai tranh.

### **5.3. Kể từng đoạn của câu chuyện**

– HS quan sát tranh và dựa vào kết quả hoạt động 5.2 để kể lại từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ảnh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)

- Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

### **5.4. Kể toàn bộ câu chuyện**

- HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.
- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.
- HS nói về nhân vật em thích và giải thích lí do; trao đổi về nội dung câu chuyện.

## **TIẾT 5, 6**

### **6. Luyện tập giới thiệu đồ vật quen thuộc**

#### **6.1. Phân tích gợi ý**

- HS xác định yêu cầu của BT 6a.
- HS nói trong nhóm nhỏ 3 – 4 câu giới thiệu một đồ dùng quen thuộc dựa vào gợi ý.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

#### **6.2. Viết câu giới thiệu**

- HS xác định yêu cầu của BT 6b.
- HS viết 3 – 4 câu giới thiệu một đồ dùng quen thuộc trong nhà vào VBT.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

## C. Vận dụng

### 1. Đọc mở rộng

#### 1.1. Chia sẻ một bài đọc đã đọc về đồ vật hoặc con vật

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài đọc, tên tác giả, từ ngữ chỉ đặc điểm của đồ vật, con vật; ích lợi hoặc công dụng,...
- HS tìm được ít nhất 2 từ ngữ nói về (các) con vật, đồ vật có trong bài đọc.
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

#### 1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

- HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài đọc, tên đồ vật hoặc con vật, từ ngữ chỉ đặc điểm của đồ vật, con vật; ích lợi hoặc công dụng.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

### 2. Chơi trò chơi Đi tìm kho báu

- HS xác định yêu cầu BT 2.
- HS nghe GV phổ biến luật chơi: Chia nhóm, tìm kho báu được giấu trong lớp dựa vào sơ đồ hoặc câu gợi ý GV đã chuẩn bị sẵn. Phần thưởng là các đồ vật trong kho báu đã tìm được.
- HS thực hiện trò chơi theo nhóm.
- HS nói về những đồ vật em tìm được, có thể nói dựa vào gợi ý:
  - + Đó là món đồ gì?
  - + Món đồ đó có màu sắc, hình dáng, kích thước, ... như thế nào?
  - + Em có thể dùng món đồ đó để làm gì?
  - ...
- HS thi nói về đồ vật trong kho báu đã tìm được để giành phần thưởng phụ.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về những câu đã nói.